

PHỤ LỤC SỐ 01

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT ngày tháng 12 năm 2022 của Sở GTVT tỉnh Kon Tum)

Đơn vị : Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum

Mã số ĐVQHNS: 1048178

Đơn vị tính : đồng

Nội dung	Mã NV chi NSNN	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
			Văn phòng sở GTVT	Thanh tra GTVT
A. DỰ TOÁN THU		6,738,000,000	4,392,000,000	1,426,000,000
I. Dự toán thu lệ phí		2,732,000,000	1,812,000,000	-
1. Sở Giao thông Vận tải		1,812,000,000	1,812,000,000	
- Lệ phí cấp mới giấy phép lái xe ô tô - mô tô		1,805,000,000	1,805,000,000	
- Lệ phí đăng ký cấp biển số xe chuyên dùng		7,000,000	7,000,000	
2. Trung tâm Đăng Kiểm 8201S		920,000,000		
Lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường xe cơ giới		900,000,000		
Lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường xe máy thi công' lệ phí nghiệm thu cải tạo		20,000,000		
1.2. Số nộp NSNN		2,732,000,000	1,812,000,000	
1.3 Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đảm bảo cho hoạt động thu phí lệ phí		764,000,000	760,000,000	-
a. Sở Giao thông vận tải		760,000,000	760,000,000	
Lệ phí cấp mới, cấp đổi giấy phép lái xe			756,000,000	
Lệ phí đăng ký cấp biển số xe máy chuyên dùng			4,000,000	
b. Trung tâm Đăng kiểm 82.01S		4,000,000		
Lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường xe máy thi công' lệ phí nghiệm thu cải tạo		4,000,000		
II. Dự toán thu phí		2,580,000,000	2,580,000,000	-
Phí sát hạch ô tô		1,580,000,000	1,580,000,000	
Phí sát hạch mô tô		880,000,000	880,000,000	
Trong đó: Phí sát hạch sân tập trung		690,000,000	690,000,000	
Phí sát hạch không tập trung		190,000,000	190,000,000	
Phí thẩm tra thiết kế, dự toán công trình giao thông		120,000,000	120,000,000	
2. Số nộp ngân sách nhà nước		-	-	-
Sở Giao thông Vận tải		283,000,000	283,000,000	-
Phí sát hạch ô tô		-		
Phí sát hạch mô tô		271,000,000	271,000,000	
Trong đó: Phí sát hạch sân tập trung		138,000,000	138,000,000	
Phí sát hạch không tập trung		133,000,000	133,000,000	
Phí thẩm tra thiết kế, dự toán công trình giao thông		12,000,000	12,000,000	
3. Số thu phí và lệ phí được để lại chi		2,297,000,000	2,297,000,000	
Sở Giao thông vận tải		2,297,000,000	2,297,000,000	
a. Số thu còn lại để thực hiện cải cách tiền lương sau khi loại trừ chi phí thuê sân bãi		530,000,000	530,000,000	
b. Các khoản giảm trừ thuế sân bãi		1,767,000,000	1,767,000,000	
b. Trích 40% thực hiện cải cách tiền lương theo qui định		212,000,000	212,000,000	
c. Phần để lại chi theo qui định		2,085,000,000	2,085,000,000	
III. Dự toán thu - chi xử phạt hành chính		1,166,000,000	-	1,166,000,000
1. Dự toán thu từ nguồn xử phạt hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông		1,166,000,000		1,166,000,000
V. Dự toán chi được trích để lại nguồn thu xử phạt hành chính trong lĩnh vực vi phạm TTATGT		883,000,000	-	883,000,000
Dự toán chi từ nguồn xử phạt hành chính trong lĩnh vực vi phạm trật tự ATGT		883,000,000		883,000,000
VI. Thu hồi qua công tác thanh tra		200,000,000	200,000,000	
1. Dự toán thu		200,000,000		200,000,000
VII. Dự toán chi thu hồi qua công tác thanh tra		60,000,000	60,000,000	
1. Dự toán chi thu hồi qua công tác thanh tra		60,000,000		60,000,000
B. Dự toán chi thường xuyên từ nguồn cân đối ngân sách địa phương		33,197,000,000	28,678,000,000	4,519,000,000
1. Chi quản lý hành chính:	340	7,161,000,000	4,848,000,000	2,313,000,000
Sở Giao thông vận tải		4,848,000,000	4,848,000,000	-
- Quỹ lương		2,933,000,000	2,933,000,000	
- Chi hoạt động thường xuyên theo định mức		895,000,000	895,000,000	
- Hợp đồng 68		138,000,000	138,000,000	
- Chi mua sắm tập trung (Sửa chữa xe ô tô 82B .1233)		180,000,000	180,000,000	
- Kinh phí chính lý tài liệu		702,000,000	702,000,000	
Thanh tra Giao thông vận tải		2,313,000,000	-	2,313,000,000
- Quỹ lương		1,302,000,000		1,302,000,000
- Chi hoạt động thường xuyên theo định mức		359,000,000		359,000,000
' - Chi nguồn mua sắm, sửa chữa tập trung: Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra Sở Giao thông vận tải		445,000,000		445,000,000
- Hỗ trợ hợp đồng 68		207,000,000		207,000,000
2. Chi sự nghiệp giao thông		26,036,000,000	23,830,000,000	2,206,000,000
a. Thanh tra Giao thông vận tải	280	2,206,000,000	-	2,206,000,000
- Quỹ lương		1,625,000,000		1,625,000,000
- Chi hoạt động thường xuyên theo định mức		581,000,000		581,000,000
b. Sự nghiệp Giao thông Sở Giao thông vận tải	280	23,830,000,000	23,830,000,000	
- Bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh giao và bảo quản, bảo dưỡng vật tư dự phòng KPBL *		23,830,000,000	23,830,000,000	

- Tiếp nhận bảo dưỡng đường Hồ Chí Minh (đoạn tuyến cũ đi qua thành phố Kon Tum)**				
C. Dự toán chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu	280	49,287,000,000	48,547,000,000	740,000,000
1. Sở Giao thông vận tải		48,547,000,000	48,547,000,000	-
- Sửa chữa nền mặt đường công trình thoát nước, ATGT đoạn Km30 - Km39+500 đường Tái định cư thủy điện PleiKrông		31,325,000,000	31,325,000,000	
- Sửa chữa nền, mặt đường công trình thoát nước an toàn giao thông Km0-Km39+50, Tỉnh lộ 673		17,222,000,000	17,222,000,000	
2. Thanh tra Giao thông vận tải		740,000,000	-	740,000,000
- Chi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT	340	440,000,000		440,000,000
- Hỗ trợ chi hoạt động trạm kiểm soát trọng tải xe 54	280	300,000,000		300,000,000
D. Dự toán chi từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn 1: 2021-2025 có mục tiêu	340	29,000,000	29,000,000	
1. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình.		29,000,000	29,000,000	
D. Cộng dự toán chi từ nguồn NSDP&TW)		82,513,000,000	77,254,000,000	5,259,000,000
Nơi đơn vị giao dịch: KBNN tỉnh Kon Tum				

Ghi chú:

- Dự toán chi từ nguồn thu cấp theo số thu nộp vào ngân sách

* Nhiệm vụ dự toán chi Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh và thuê bảo quản, bảo dưỡng vật tư KPBL có phụ lục kèm theo.

** - Dự toán chi từ sự nghiệp giao thông phần tiếp nhận đường Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Kon Tum tạm thời chưa cấp số tiền : 868 triệu đồng (do đang thực hiện công tác bàn giao, sẽ đề nghị cấp sau khi hoàn thành thủ tục)

